TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Hải Anh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hoàng Quốc Tuấn
  - Ông Nguyễn Xuân Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lục Thị B- Sinh năm 1984

Trú tại: Tổ 8, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt P - Sinh năm 1982

HKTT: Tổ 8, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại tổ 10, phân trại số 01, Trại giam Hồng Ca, Cục C10, Bộ Công an. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-9-2019; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lục Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt P kết hôn ngày 10-01-2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Trước kết hôn có được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nghiện chất ma túy, rượu chè, cờ bạc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Chị và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Năm 2018, Anh P bị Tòa án nhân dân thành phố Y xử phạt 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang

chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh P đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Chị và anh P có một con chung là: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16-10-2013. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị xác định không có tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24-10-2019 bị đơn anh Nguyễn Việt P trình bày:

Về thời gian, địa điểm kết hôn như Chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, anh luôn yêu thương vợ, con. Tuy nhiên, do vi phạm pháp luật nên anh đang phải chấp hành án tại trại giam Hồng Ca. Hiện tại, anh vẫn đang cải tạo tốt để sau khi chấp hành án xong về với gia đình để vợ chồng nuôi dạy con cái, mong muốn con cái có đủ tình yêu thương của cả bố mẹ. Anh P xác định tình cảm vợ chồng với Chị B vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh P xác nhận anh chị có một con chung như Chị B trình bày.

Về chia tài sản: Anh P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Anh P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tung dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Việt P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 8, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Anh Nguyễn Việt P là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lục Thị Bvà anh Nguyễn Việt P tự nguyện kết hôn ngày 10-01-2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, thể hiện: Chị B anh P có mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh P nghiện ma túy, cờ bạc, rượu chè làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ năm 2014 đến nay, năm 2018 anh P bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang cải tạo tại trại giam Hồng Ca. Anh P xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên, anh P không đưa ra được biện pháp nào để hành gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác Chị B xác định tình cảm vợ chồng đã hết và kiên quyết xin ly hôn

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của Chị B là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu giải quyết ly hôn của Chị B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị B và anh P đều xác nhận có một con chung là: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16-10-2013. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P không đưa ra ý kiến gì. Xét thấy cháu K còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của gia đình, hiện tại anh P đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nên cần giao cháu Nguyễn Tuấn K cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc Chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có. Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lục Thị Bvà anh Nguyễn Việt P được ly hôn

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lục Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16-10-2013 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lục Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/00005127 ngày 30-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh P có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp. Yên Bái;
- UBND xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Hải Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**